TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày 11 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Chiến.

Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Đình T**. Sinh ngày: 20/9/1987; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Vũ Đình B, sinh năm: 1958; Con bà: Trương Thị T2, sinh năm: 1966. Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1989; Bị cáo có 02 người con. Con lớn, sinh năm: 2001 và con nhỏ, sinh năm: 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức H1,** Sinh ngày: 15/01/1979. Nơi sinh: Huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Nguyễn Văn C1, Sinh năm: 1933; Con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm: 1949. Bị cáo có vợ tên là Lê Thị N, sinh năm: 1990; Bị cáo có 02 người con. Con lớn, sinh năm: 2012 và con nhỏ, sinh năm: 2016.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2018 đến ngày 15/3/2018 được hủy bỏ tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lĩnh. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Mai Văn C2; Sinh ngày: 10/5/1950; Nơi sinh: Huyện QP, tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình độ học vấn: 7/12, Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Mai Văn H2 (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Y (Đã chết). Bị cáo có vợ tên là Vũ Thị T3, sinh năm: 1959; Bị cáo có 09 người con. Con lớn nhất, sinh năm: 1982 và con nhỏ nhất, sinh năm: 1999.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2018 đến ngày 15/3/2018 được hủy bỏ tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lĩnh. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn T4,** Sinh ngày: 20/7/1986; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1961; Con bà: Đoàn Thị T5 (Đã chết). Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T6, sinh năm: 1988; Bị cáo có 01 người con, sinh năm: 2006.

Tiền án: 01 tiền án, Ngày 19/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội "Đánh bạc". Đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2018 đến ngày 26/8/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lĩnh. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Phạm Công M,** Sinh ngày: 06/8/1989; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Tên chúa, Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Phạm Công K, sinh năm: Không rõ; Con bà: Cao Thị T7, sinh năm: 1959; Bị cáo có vợ là Tạ Thị C3, sinh năm: 1992; Bị cáo có 02 người con. Con lớn, sinh năm: 2010 và con nhỏ, sinh năm: 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2018 đến ngày 15/3/2018 được hủy bỏ tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lĩnh. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Tạ Văn C4,** Sinh ngày: 19/2/1984; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không, Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Tạ Văn C5 (Đã chết); Con bà: Hà Thị S. Bị cáo có vợ tên là Phạm Thị Thu T8, sinh năm 1984. Bị cáo có 02 người con. Con lớn, sinh năm: 2010 và con nhỏ, sinh năm: 2015.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2018 đến ngày 15/3/2018 được hủy bỏ tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lĩnh. Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Hòa Quang L;** Sinh ngày: 28/7/1986; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm Nông.

Con ông: Hòa Quang K, sinh năm: 1960; Con bà: Trần Thị T9, sinh năm: 1963. Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị H3, sinh năm 1992. Bị cáo có 01 người con, sinh năm: 2011.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam – Có mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Đức L1. Vắng mặt

Trú tại: Thôn 1, xã L B, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Trần Quốc Đ. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt ngày 09/10/2018)

+ Ông Ngọ Văn L2. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 14/2/2018, Vũ Đình T, Phạm Công M, Hoàng Đức L1, Nguyễn Văn T4, Hòa Quang L, Trần Quốc Đ và một số người thanh niên (không xác định được nhân thân, lai lịch) đang uống cà phê và chơi bida, ở quán anh Ngọ Văn L2 (làm chủ quán), Thuộc Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh bài xóc đĩa, thì tất cả đồng ý. Khi tham gia đánh bạc thì có một người thanh niên trong nhóm lấy một cái nệm làm chiếu bạc, 04 con vị hình tròn (được cắt ra từ bộ bài 52 lá), 01 cái đĩa và 01 cái chén để Hoàng Đức L1 là người làm cái xóc đĩa. Còn Vũ Đình T, Phạm Công M, Hòa Quang L, Nguyễn Văn T4 và một số người (không xác định được nhân thân, lai lịch) tham gia đánh bạc (đặt tiền cá cược). Khi đang đánh bạc thì có Tạ Văn C4 đến chơi, sau đó mượn của Phạm Công M 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Hoàng Đức L1 làm cái xóc đĩa đánh được vài ván (khoảng 20 phút) thì L1 thua hết tiền nên nghỉ, đi đánh bida. Sau đó, Vũ Đình T thay L1 làm người cầm cái xóc đĩa đánh bạc, được một lúc thì có Mai Văn C2, Nguyễn Đức H1 lần lượt đến cùng tham gia đánh bạc, trong lúc đánh bạc thì Nguyễn Văn T4 thua hết tiền nên nghỉ. Cứ như vậy, các con bạc tham gia đánh bạc đến khoảng 20 giờ cùng ngày, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K phát hiện, bắt quả tang, gồm: Vũ Đình T, Phạm Công M, Hòa Quang L, Tạ Văn C4, Mai Văn C2, Nguyễn Đức H1 đang tham gia đánh bạc. Khi bắt quả tang thì Hòa Quang L và Vũ Đình T và một số người thanh niên (không xác định được nhân thân, lai lịch) chạy thoát. Cơ quan điều tra thu giữ, tổng số tiền trên chiếu bạc là 8.750.000 đồng và thu giữ tang vật, gồm: 01 cái chén sành màu trắng, 01 cái đĩa sành màu trắng, 01 tấm nệm dùng làm Chiếu bạc, 04 con vị là công cụ phục vụ cho việc đánh bạc. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ trên người của Nguyễn Đức H1, số tiền 4.000.000 đồng và tạm giữ trên người của Mai Văn C2, số tiền 1.000.000 đồng, để phục vụ công tác điều tra.

Hình thức đánh xóc đĩa và cách thắng, thua được quy định như sau:

Những người tham gia chơi sẽ có một người đứng ra làm cái, những người còn lại là người đặt cược, đầu tiên người xóc cái sẽ bỏ 4 con xúc xắc vào cái đĩa sành và lấy cái chén sành úp lại, sau đó lắc đều mấy cái và đặt xuống tấm nệm lót ghế, người chơi bắt đầu đặt vào cửa chẵn hoặc cửa lẽ. Sau đó, người xóc cái sẽ mở chén để tính thắng, thua và chung tiền theo tỉ lệ 1-1. Nếu người chơi đặt tiền ở cửa chẵn và kết quả ra là chẵn thì người chơi thắng, nếu người chơi đặt tiền ở cửa chẵn nhưng kết quả ra là lẻ thì người chơi Thua và ngược lại. Kết quả là chẵn khi 04 con vị xuất hiện các trường hợp sau: 04 mặt trắng; 04 mặt đen hoặc 02 mặt trắng; 02 mặt đen. Kết quả lẻ khi 04 con vị xuất hiện trong các trường hợp sau: 01 mặt trắng và 03 mặt đen hoặc 03 mặt trắng và 01 mặt đen

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-HS ngày 11/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Đức H1, Mai Văn C2, Nguyễn Văn T4, Phạm Công M, Tạ Văn C4 và Hòa Quang L về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Vũ Đình T, Nguyễn Đức H1, Mai Văn C2, Nguyễn Văn T4, Phạm Công M, Tạ Văn C4 và Hòa Quang L phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T4** từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo **Hòa Quang L** từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo **Vũ Đình T** từ 09 đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H1** từ 06 đến 09 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo **Phạm Công M** từ 06 đến 9 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo **Mai Văn C2** từ 09 đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo **Tạ Văn C4** từ 09 đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức H1, Vũ Thị T, Mai Văn C2, Tạ Văn C4, Phạm Công M cho UBND xã D giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã D trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái chén, 01 cái đĩa, 01 tấm nệm và 04 con vị (có đặt điểm như trong biên bản thu giữ vật chứng) là công cụ dùng vào việc phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thusung quỹ Nhà nước số tiền 8.750.000 đồng, là tiền dùng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, phù hợp với các vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng17 giờ ngày 14/02/2018, tại quán cà phê của anh Ngọ Văn L2, ở thôn Anna, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Các bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Đức H1, Mai Văn C2, Nguyễn Văn T4, Phạm Công M, Tạ Văn C4 và Hòa Quang L đã có hành vi tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh bài xóc đĩa, đến 20 giờ cùng ngày, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ, tổng số tiền dùng đánh bạc là 8.750.000 đồng và thu giữ tang vật, gồm: 01 cái chén, 01 cái đĩa, 01 tấm nệm, 04 con vị là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Điều 321 Bộ Luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được Thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc

dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ Luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ Luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Xét hành vi của các bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự trị an xã hội tại địa bàn xã D nói riêng và huyện K nói chung. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện.

Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa và quyết định hình phạt đối từng bị cáo cho phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T4 dùng số tiền 700.000đ để tham gia đánh bạc, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện K, bị cáo tham gia đánh bạc và nghỉ trước khi bị Công an huyện K bắt quả tang tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phát 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội đánh bạc. Sau khi chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích thì bị cáo tiếp tục phạm tội. Xét thấy tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm hơn các bị cáo khác nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo cao hơn các bị cáo khác trong vụ án và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp.

Đối với các bị cáo Vũ Đình T, Mai Văn C2, Phạm Công M, Tạ Văn C4, Nguyễn Đức H1 tham gia vụ án với vai trò người thực hành, bị cáo T sử dụng số tiền 1.200.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo C2 sử dụng số tiền 1.250.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo M sử dụng số tiền 1.000.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo C4 sử dụng số tiền 1.000.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo H1 sử dụng số tiền 1.300.000đ để tham gia đánh bạc. Tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo ít nguy hiểm hơn so với bị cáo T4và ngang nhau nên cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo thấp hơn bị cáo T4và bằng nhau là phù hợp.

Đối với bị cáo Hòa Quang L dùng số tiền 600.000đ để tham gia đánh bạc, bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất so với các bị cáo khác, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện K, cần áp dụng mức hình phạt của bị cáo thấp hơn các bị cáo khác, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Đức H1, Phạm Công M, Mai Văn C2, Tạ Văn C4, Hòa Quang L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Vũ Đình T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bố bị cáo Phạm Công M là người có công với Cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Bố mẹ bị cáo Nguyễn Đức H1 Được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và

hạng nhì. Cần áp các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Đức H1, Phạm Công M, Mai Văn C2, Tạ Văn C4 có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, với tính chất, mức độ hành vi phạm tội củacác bị cáo, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình phối hợp giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định có Hoàng Đức L1 đã dùng số tiền 500.000 đồng để tham gia đánh bạc với các bị can, do thua hết tiền nên L1 nghỉ trước; Đối với Trần Quốc Đ khai nhận chỉ đứng xem các bị can đánh bạc, Đ không tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với các bị can. Nhưng qua lời khai của các bị can và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định Trần Quốc Đ đã tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với các bị can, nhưng đánh được vài ván thì nghỉ trước, nên tổng số tiền đánh bạc của Hoàng Đức L1, Trần Quốc Đ và các bị can chưa đủ 5.000.000 đồng. Trần Quốc Đ và Hoàng Đức L1 chưa có tiền án, tiền sự về tội Đánh bạc, quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự và tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Quốc Đ và Hoàng Đức L1, về hành vi đánh bạc là đúng quy định của pháp luật.

Đối với một số người thanh niên (không xác định được nhân thân, lai lịch) có tham gia đánh bạc thắng Thua bằng tiền với các bị can. Quá trình điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra đã tách ra, tiếp tục xác minh, làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Ngọ Văn L2 là chủ quán cà phê, bida là nơi các bị can sử dụng địa điểm để đánh bạc thắng Thua bằng tiền, nhưng anh L2 không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật

[3] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái chén, 01 cái đĩa, 01 tấm nệm và 04 con vị) là công cụ dùng vào việc phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng. (vật có đặt điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện K, tỉnh Đắk Lắk)

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.750.000 đồng, là tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo. (Số tiền tại biên lai thu tiền số 0005430 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án huyện K, tỉnh Đắk Lắk)

[4] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Đức H1, Mai Văn C2, Nguyễn Văn T4, Phạm Công M, Tạ Văn C4 và Hòa Quang L phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T4** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày T hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2018 đến ngày 26/8/2018.

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo **Hòa Quang L** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, từ ngày 01/7/2018.

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mai Văn C2** 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Tạ Văn C4** 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H1** 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Vũ Đình T** 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Phạm Công M** 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức H1, Vũ Thị T, Mai Văn C2 Tạ Văn C4, Phạm Công M cho UBND xã D giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã D trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái chén, 01 cái đĩa, 01 tấm nệm và 04 con vị là công cụ dùng vào việc phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng. (vật có đặt điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện K, tỉnh Đắk Lắk)

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.750.000 đồng, là tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo. (Số tiền tại biên lai thu tiền số 0005430 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án huyện K, tỉnh Đắk Lắk)

***Về án phí*:** Căn cứ Điều 136 BLTTHS 2015, điểm 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Đức H1, Mai Văn C2, Nguyễn Văn T4, Phạm Công M, Tạ Văn C4 và Hòa Quang L , mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện K, VKS tỉnh;
- Công an huyện K;
- Cơ quan THAHS Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K
- UBND xã D;
- Các bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Đôn